



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2017	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến cuối Quý 1 năm 2017	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2017	05 – 31



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.852.988.929.216	2.622.523.248.504
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	114.688.571.976	393.311.149.877
111	1. Tiền		100.688.571.976	388.311.149.877
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	14.000.000.000	11.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	11.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		697.035.816.142	606.345.743.988
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	601.994.763.751	487.146.679.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	73.707.527.016	99.721.022.583
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	26.478.734.881	24.623.250.913
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(5.233.392.059)	(5.233.392.059)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		88.182.553	88.182.553
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	2.005.755.313.315	1.564.226.394.100
141	1. Hàng tồn kho		2.005.755.313.315	1.564.226.394.100
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.509.227.783	47.139.960.539
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.666.201.766	1.242.887.328
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.348.388.193	45.244.914.155
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		494.637.824	652.159.056
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		816.614.391.286	803.118.711.727
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.032.315.546	5.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	5.032.315.546	5.032.315.546
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		734.534.810.131	742.124.620.926
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	419.533.127.583	424.936.089.996
222	- Nguyên giá		660.099.114.381	652.933.105.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(240.565.986.798)	(227.997.015.512)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	58.775.509.666	60.738.855.412
225	- Nguyên giá		77.983.819.989	77.983.819.989
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.208.310.323)	(17.244.964.577)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	256.226.172.882	256.449.675.518
228	- Nguyên giá		264.147.543.342	264.147.543.342
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.921.370.460)	(7.697.867.824)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		64.880.558.867	42.574.275.068
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	64.880.558.867	42.574.275.068
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	8.512.088.135	8.512.088.135
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.149.830.736)	(3.149.830.736)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.654.618.607	4.875.412.052
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.772.365.223	3.325.212.965
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	609.128.811
269	3. Lợi thế thương mại	V.12	882.253.384	941.070.276
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.669.603.320.502	3.425.641.960.231

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.485.257.014.975	2.297.989.190.689
310	I. Nợ ngắn hạn		2.297.685.603.203	2.110.511.935.914
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	362.816.140.731	307.563.399.669
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	9.823.687.201	54.506.702.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	123.739.711.749	140.347.003.027
314	4. Phải trả người lao động	V.16	12.803.115.483	27.982.011.083
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	54.942.385.225	78.421.273.400
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	38.812.602.846	25.263.133.747
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.a	1.686.499.451.386	1.465.531.526.416
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	8.248.508.582	10.896.886.402
330	II. Nợ dài hạn		187.571.411.772	187.477.254.775
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.b	187.571.411.772	187.477.254.775
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.184.346.305.527	1.127.652.769.542
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.184.346.305.527	1.127.652.769.542
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		464.878.130	464.878.130
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		93.116.915.050	93.116.915.050
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.525.307.541	10.525.307.541
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		272.516.558.307	224.525.857.149
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		215.505.833.149	61.738.953.001
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		57.010.725.158	162.786.904.148
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.22	236.042.716.499	227.339.881.672
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.669.603.320.502	3.425.641.960.231

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN**LÊ QUỐC PHONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.187.353.857.362	1.014.479.674.211	1.187.353.857.362	1.014.479.674.211
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	14.720.851.926	22.022.764.738	14.720.851.926	22.022.764.738
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.172.633.005.436	992.456.909.473	1.172.633.005.436	992.456.909.473
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.000.308.169.976	866.683.254.723	1.000.308.169.976	866.683.254.723
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.324.835.460	125.773.654.750	172.324.835.460	125.773.654.750
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.125.235.597	955.132.887	1.125.235.597	955.132.887
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	25.457.811.971	19.930.577.715	25.457.811.971	19.930.577.715
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		22.698.229.688	18.150.030.160	22.698.229.688	18.150.030.160
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết				-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	45.026.364.801	38.664.276.079	45.026.364.801	38.664.276.079
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	22.559.811.769	19.053.133.746	22.559.811.769	19.053.133.746
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		80.406.082.517	49.080.800.097	80.406.082.517	49.080.800.097
31	12. Thu nhập khác	VI.8	541.123.592	1.934.190.310	541.123.592	1.934.190.310
32	13. Chi phí khác	VI.9	438.461.926	179.378.466	438.461.926	179.378.466
40	14. Lợi nhuận khác		102.661.666	1.754.811.844	102.661.666	1.754.811.844
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80.508.744.183	50.835.611.941	80.508.744.183	50.835.611.941
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		14.795.184.198	7.304.240.028	14.795.184.198	7.304.240.028
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65.713.559.985	43.531.371.913	65.713.559.985	43.531.371.913
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		57.010.725.158	34.101.947.636	57.010.725.158	34.101.947.636
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.702.834.827	9.429.424.277	8.702.834.827	9.429.424.277
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	917	659	917	659
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	917	644	917	644

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1_2017	Quý 1_2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		80.508.744.183	50.835.611.941
	2. Điều chỉnh cho các khoản		39.448.101.166	33.081.419.564
02	- Khấu hao tài sản cố định		17.790.269.334	15.027.707.012
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.040.397.856)	(96.317.608)
06	- Chi phí lãi vay		22.698.229.688	18.150.030.160
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		119.956.845.349	83.917.031.505
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(127.068.406.489)	(18.499.251.835)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(441.528.919.215)	(69.681.641.423)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		46.822.903.232	127.997.475.868
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		188.350.197	1.294.464.299
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.698.229.688)	(18.150.030.160)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.078.635.578)	(23.191.632.062)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		750.000.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.648.377.820)	(15.384.576.222)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(459.304.470.013)	68.301.839.970
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(32.506.742.338)	(38.525.723.650)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		646.576.483	96.317.608
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(34.360.165.855)	(38.429.406.042)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.097.489.548.216	701.418.981.844
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(872.522.105.901)	(962.089.723.902)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.905.360.348)	(1.613.767.322)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.020.024.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		215.042.057.967	(262.284.509.380)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(278.622.577.901)	(232.412.075.453)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		393.311.149.877	425.567.717.430
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	114.688.571.976	193.155.641.977

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong Quý 1 năm 2017 tăng 51% so với lợi nhuận sau thuế năm cùng kỳ năm 2016 nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng lần lượt là: 27,2% và 97,79%.

6. Cấu trúc Tập đoàn**Các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.186 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.196 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ..

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Số năm

Loại tài sản vô hình

Phần mềm

07 – 10

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Hàng hóa, thành phẩm của công ty là phân bón nguyên liệu và thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.079.124.641	33.689.256.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.609.447.335	354.621.893.605
Các khoản tương đương tiền(*)	14.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>114.688.571.976</u>	<u>393.311.149.877</u>

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	14.000.000.000	14.000.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Cộng	<u>11.661.918.871</u>	<u>8.512.088.135</u>	<u>(3.149.830.736)</u>	<u>11.661.918.871</u>	<u>8.512.088.135</u>	<u>(3.149.830.736)</u>

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>Quý 1 Năm 2017</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.149.830.736)	(3.565.113.571)
Hoàn nhập dự phòng	-	415.282.835
Số cuối năm	<u>(3.149.830.736)</u>	<u>(3.149.830.736)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	601.994.763.751	487.146.679.998
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	92.064.969.952	75.881.900.393
Công ty TNHH MTV Phong Châu	21.442.674.963	28.758.201.763
Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê	15.366.754.104	19.260.388.104
Công ty TNHH Phú Đoàn	4.048.680.059	17.193.721.296
Công ty TNHH TMDV Phan bốn Tuần Vũ	39.887.966.600	10.642.565.400
Công ty TNHH Thịnh Thành Đắc Lắc	37.532.239.778	13.373.107.778
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	46.279.136.950	16.257.899.650
TT Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam	14.242.519.412	14.742.519.412
Các khách hàng khác	331.129.821.933	291.036.376.202
Cộng	601.994.763.751	487.146.679.998

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	73.707.527.016	99.721.022.583
Công ty TNHH Young Inh	37.422.391.256	75.015.463.822
Các đối tượng khác	36.285.135.760	24.705.558.761
Cộng	73.707.527.016	99.721.022.583

5. Phải thu khác ngắn hạn**5.a Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	22.741.232.336		20.885.748.368	
- Tạm ứng của nhân viên công ty	11.209.033.717	-	9.444.235.701	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN	2.072.074.245	-	2.119.321.468	-
- Các khoản phải thu khác	9.460.124.374	-	9.322.191.199	-
Cộng	26.478.734.881	-	24.623.250.913	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5.b Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	5.032.315.546	-	5.032.315.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
- Các khoản ký quỹ khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	5.032.315.546	-	5.032.315.546	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Quý 1 năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.233.392.059)	(5.607.259.925)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(758.697.080)
Hoàn nhập dự phòng	-	1.132.564.946
Số cuối năm	(5.233.392.059)	(5.233.392.059)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.510.484.417.878	-	1.158.573.074.220	-
Công cụ, dụng cụ	693.970.985	-	6.206.194.209	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.137.222.651	-	28.803.050.588	-
Thành phẩm	458.489.747.024	-	367.322.813.679	-
Hàng hóa	3.949.954.777	-	3.321.261.404	-
Cộng	2.005.755.313.315	-	1.564.226.394.100	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.967.394.534	1.016.425.455	77.983.819.989
Thuê trong năm	-	-	-
Số cuối năm	76.967.394.534	1.016.425.455	77.983.819.989
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.929.892.570	315.072.007	17.244.964.577
Khấu hao trong năm	1.927.045.746	36.300.000	1.963.345.746
Số cuối năm	18.856.938.316	351.372.007	19.208.310.323
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	60.037.501.964	701.353.448	60.738.855.412
Số cuối năm	58.110.456.218	665.053.448	58.775.509.666

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	263.223.766.342	923.777.000	264.147.543.342
Mua trong năm			
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang			
Số cuối năm	263.223.766.342	923.777.000	264.147.543.342
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	165.000.000	165.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.172.803.985	525.063.839	7.697.867.824
Khấu hao trong năm	194.354.971	29.147.665	223.502.636
Số cuối năm	7.367.158.956	554.211.504	7.921.370.460
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	256.050.962.357	398.713.161	256.449.675.518
Số cuối năm	255.856.607.386	369.565.496	256.226.172.882

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài của công ty tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất số T00080/QSDD/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.

- Quyền sử dụng 31.829 m2 đất thuê (một phần các thửa đất 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016.(Thuyết minh V.19a)

- Quyền sử dụng 5.200 m2 đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016.(Thuyết minh V.19a)

- Quyền sử dụng 4.000 m2 đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016.(Thuyết minh V.19a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	10.200.458.539	(10.200.458.539)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	42.574.275.068	21.372.669.254			63.946.944.322
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394				8.439.332.394
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	299.049.921	132.380.353			431.430.274
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.581.820.931	152.153.000			2.733.973.931
- Nhà máy Phân bón Trảng Bàng – Tây Ninh	-				-
- Đất Nhà máy Tây Ninh Dợt 1,2 và 3	17.257.504.696	8.628.752.348			25.886.257.044
- Các công trình khác	13.996.567.126	12.459.383.553			26.455.950.679
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	933.614.545	-	-	933.614.545
Cộng	42.574.275.068	32.506.742.338	(10.200.458.539)		64.880.558.867

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	362.816.140.731	307.563.399.669
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	-	41.721.702.200
- Công ty CP Vinacam	111.196.498.817	13.324.833.900
- Công ty CP DAP – VINACHEM	-	1.194.011.000
- Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải	9.182.138.000	21.015.517.500
- Công ty TNHH Eastchem	35.824.764.800	27.116.400.800
- Công ty TNHH TM&DV Thái Sơn	60.182.404.130	54.228.153.632
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	3.897.229.309	3.897.229.309
- Các nhà cung cấp khác	142.533.105.675	145.065.551.328
Cộng	362.816.140.731	307.563.399.669

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	9.823.687.201	54.506.702.170
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	3.242.346.534	6.211.433.249
- Nguyễn Văn Hào	-	4.609.005.459
- Bùi Gia Thăng	-	2.955.935.450
- DNTN Hưng Thạnh	-	5.005.626.000
- Trần Ngọc Nghĩa	-	4.497.531.656
- Các khách hàng khác	6.581.340.667	31.227.170.356
Cộng	9.823.687.201	54.506.702.170

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	1.315.784.888	395.421.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.224.494.061	23.301.666.873
Thuế thu nhập cá nhân	511.812.145	1.669.735.137
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	292.559.132
Cộng	123.739.711.749	140.347.003.027

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%, Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm năm 2016 là năm thứ 5 được hưởng ưu đãi đồng thời công ty cũng được giảm 50% trong 4 năm năm 2016 là năm thứ 3 được giảm 50% riêng Công ty CP Bình Điền Ninh Bình được miễn 2 năm bắt đầu từ tháng 11 năm 2015.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Q1_2017	Q1_2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.508.744.183	50.835.611.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.795.184.198	7.304.240.028
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	65.713.559.985	43.531.371.913

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phải trả ngắn hạn	54.942.385.225	78.421.273.400
Cộng	54.942.385.225	78.421.273.400

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	38.812.602.846	25.263.133.747
Cộng	38.812.602.846	25.263.133.747

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.682.805.214.862	1.682.805.214.862	1.343.564.149.285	1.343.564.149.285
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	6.171.804.777	6.171.804.777	6.171.804.777	6.171.804.777
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	379.576.669.381	379.576.669.381	288.210.573.853	288.210.573.853
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾	51.350.266.816	51.350.266.816	54.120.133.015	54.120.133.015
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁴⁾	44.123.379.330	44.123.379.330	44.123.379.330	44.123.379.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁵⁾	35.896.781.000	35.896.781.000	52.703.256.000	52.703.256.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁶⁾	97.316.412.815	97.316.412.815	105.147.277.815	105.147.277.815
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁷⁾	419.732.018.446	419.732.018.446	320.524.433.186	320.524.433.186
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁸⁾	18.201.928.308	18.201.928.308	18.201.928.308	18.201.928.308
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁹⁾	56.175.000.998	56.175.000.998	72.617.572.394	72.617.572.394
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Tp.HCM ⁽¹⁰⁾	37.422.391.256	37.422.391.256	47.555.197.660	47.555.197.660
- Vay nhân viên công ty ⁽¹¹⁾	22.677.364.435	22.677.364.435	22.151.902.762	22.151.902.762
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	44.652.903.680	44.652.903.680	-	-
- Ngân hàng TMCP Công	108.829.435.299	108.829.435.299	75.207.176.388	75.207.176.388

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹²⁾				
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Tp.HCM ⁽¹³⁾	59.546.060.479	59.546.060.479	60.621.194.845	60.621.194.845
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽¹⁴⁾	48.376.047.736	48.376.047.736	55.541.247.736	55.541.247.736
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽¹⁵⁾	56.278.399.500	56.278.399.500	39.698.399.500	39.698.399.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng ⁽¹⁶⁾	12.119.638.000	12.119.638.000	32.513.185.341	32.513.185.341
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	12.785.285.000	12.785.285.000	31.869.235.219	31.869.235.219
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁷⁾	171.573.427.606	171.573.427.606	129.910.702.001	129.910.702.001
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.694.236.524	3.694.236.524	8.642.926.286	8.642.926.286
Cộng	1.686.499.451.386	1.686.499.451.386	1.465.531.526.416	1.465.531.526.416

19.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	168.857.308.146	168.857.308.146	166.239.680.563	166.239.680.563
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	23.775.800.000	23.775.800.000	24.649.800.000	24.649.800.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM ⁽²⁾	18.983.255.166	18.983.255.166	9.491.627.583	9.491.627.583
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽³⁾	126.098.252.980	126.098.252.980	132.098.252.980	132.098.252.980
Nợ thuê tài chính	18.714.103.626	18.714.103.626	21.237.574.212	21.237.574.212
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽⁴⁾	12.722.580.557	12.722.580.557	15.246.051.143	15.246.051.143
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁵⁾	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁶⁾	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107
Cộng	187.571.411.772	187.571.411.772	187.477.254.775	187.477.254.775

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	187.571.411.772	187.477.254.775
Trên 5 năm	-	-
Cộng	187.571.411.772	187.477.254.775

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.896.886.402	3.000.000.000	(5.648.377.820)	8.248.508.582
Cộng	10.896.886.402	3.000.000.000	(5.648.377.820)	8.248.508.582

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ đã góp:	571.679.930.000

Vốn điều lệ còn phải góp:	-
----------------------------------	----------

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	95.279.930.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(6.020.024.000)	(292.086.967.880)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21f. Phân phối lợi nhuận

- Trong kỳ Công ty chỉ tạm thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016:

• Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	3.000.000.000
Trong đó:		
Số tạm trích từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 là	:	3.000.000.000

Phân phối lợi nhuận năm 2016 sẽ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.

22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	227.339.881.672	198.173.702.586
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.702.834.827	72.977.489.113
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	-	(35.277.199.232)
Phân phối các quỹ	-	(8.534.110.795)
Số cuối năm	<u>236.042.716.499</u>	<u>227.339.881.672</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	66.143,56	1.951.517
Euro (EUR)	72,8	83,77

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT:VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, khác	1.187.353.857.362	1.014.479.674.211
Cộng	1.187.353.857.362	1.014.479.674.211

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	14.720.851.926	22.022.764.738
Cộng	14.720.851.926	22.022.764.738

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.000.308.169.976	866.683.254.723
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
Cộng	1.000.308.169.976	866.683.254.723

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá	1.125.235.597	955.132.887
Cộng	1.125.235.597	955.132.887

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá	25.457.811.971	19.930.577.715
Cộng	25.457.811.971	19.930.577.715

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1_2017</u>	<u>Quý 1_2016</u>
- Chi phí nhân viên, chi phí khác	45.026.364.801	38.664.276.079
Cộng	45.026.364.801	38.664.276.079

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 2017</u>	<u>Quý 1 2016</u>
- Chi phí nhân viên, chi phí khác	22.559.811.769	19.053.133.746
Cộng	22.559.811.769	19.053.133.746

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 2017</u>	<u>Quý 1 2016</u>
- Thu nhập khác	541.123.592	1.934.190.310
Cộng	541.123.592	1.934.190.310

9. Chi phí khác

	<u>Quý 1 2017</u>	<u>Quý 1 2016</u>
- Chi phí khác	438.461.926	179.378.466
Cộng	438.461.926	179.378.466

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 1 2017</u>	<u>Quý 1 2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.010.725.158	34.101.947.636
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(4.560.858.013)	(2.728.155.811)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(4.560.858.013)	(2.728.155.811)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.449.867.145	31.373.791.825
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	57.167.993	47.640.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	917	659

^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm ước tính bằng $8\% \times$ Lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh của Quý 1 năm 2017, và có thể điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31/03/2017 Công ty không có dự kiến phát hành thêm cổ phiếu nên không có cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

	<u>Quý 1 2017</u>	<u>Quý 1 2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.010.725.158	34.101.947.636
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(4.560.858.013)	(2.728.155.811)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(4.560.858.013)	(2.728.155.811)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.449.867.145	31.373.791.825
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	57.167.993	47.640.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	917	659

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm ước tính bằng $8\% \times \text{Lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh của Quý 1 năm 2017}$, và có thể điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VNĐ)**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau: Không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản/nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản và nợ tiềm tàng phải công bố.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**• Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)**

Thu nhập bằng tiền

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Tiền lương, thù lao và tiền thưởng	1.025.480.625	2.009.855.000
Cộng	1.025.480.625	2.009.855.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

• Số dư với các thành viên quản lý

Không phát sinh.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

• Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ Công ty có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

• Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5.**3. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Quý 1 năm 2017	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.176.009.184	138.456.996.252	1.172.633.005.436
Giá vốn hàng bán	876.011.921.029	124.296.248.947	1.000.308.169.976
Lợi nhuận gộp	158.164.088.155	14.160.747.305	172.324.835.460

Quý 1 năm 2016	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	939.876.076.223	52.580.833.250	992.456.909.473
Giá vốn hàng bán	821.022.161.632	45.661.093.091	866.683.254.723
Lợi nhuận gộp	118.853.914.591	6.919.740.159	125.773.654.750

4. Số liệu so sánh

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2016 ngày 27/04/2016.

	Mã số	Số trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	644	15	659

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.19a, V.19b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc Quý 1_2017 đến ngày phát hành báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2017

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2017 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc Quý 1 năm 2017.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

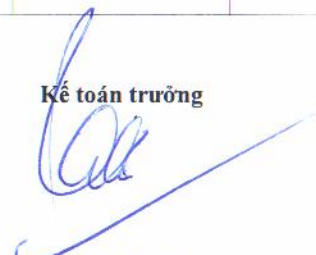
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	423.821.885.358	176.510.053.367	40.773.647.914	3.676.561.858	8.150.957.011	652.933.105.508
2. Tăng trong năm	3.848.733.169	2.567.175.370	3.542.000.000	-	242.550.000	10.200.458.539
- Tăng do mua mới	3.848.733.169	2.567.175.370	3.542.000.000	-	242.550.000	10.200.458.539
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
- Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	427.670.618.527	176.362.779.071	43.995.647.914	3.676.561.858	8.393.507.011	660.099.114.381
Trong đó:						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	565.091.818	24.481.747.184	4.278.272.726	1.268.447.358	-	30.593.559.086
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	103.712.789.236	96.171.985.867	24.840.523.010	2.258.128.612	1.013.588.787	227.997.015.512
2. Tăng trong năm	8.868.617.331	5.520.691.468	833.818.257	140.418.626	239.875.270	15.603.420.952
- Khấu hao trong kỳ	8.868.617.331	5.520.691.468	833.818.257	140.418.626	239.875.270	15.603.420.952
3. Giảm trong năm	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
4. Số dư cuối năm	112.581.406.567	98.978.227.669	25.354.341.267	2.398.547.238	1.253.464.057	240.565.986.798
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	320.109.096.122	80.338.067.500	15.933.124.904	1.418.433.246	7.137.368.224	424.936.089.996
2. Tại ngày cuối năm	315.089.211.960	77.384.551.402	18.641.306.647	1.278.014.620	7.140.042.954	419.533.127.583
Trong đó:						
Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp	12.789.264.669	2.995.571.367	-	-	179.910.877	15.964.746.913

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	7.211.680.048	119.095.387.120	27.342.989.573	279.179.962.957	198.173.702.586	1.107.403.722.284
2. Tăng trong năm trước	95.279.930.000	-	35.211.666.439	10.525.307.541	277.122.890.148	72.977.489.113	491.117.283.241
- Tăng vốn trong năm	95.279.930.000	-	-	-	-	-	95.279.930.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	35.211.666.439	10.525.307.541	-	-	45.736.973.980
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	277.122.890.148	72.977.489.113	350.100.379.261
3. Giảm trong năm trước	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	331.776.995.956	43.811.310.027	470.868.235.983
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	331.776.995.956	43.811.310.027	375.588.305.983
- Giảm khác	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	571.679.930.000	464.878.130	93.116.915.050	10.525.307.541	224.525.857.149	227.339.881.672	1.127.652.769.542
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	-	57.010.725.158	8.702.834.827	65.713.559.985
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	57.010.725.158	8.702.834.827	65.713.559.985
- Tăng từ góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	9.020.024.000	-	9.020.024.000
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	9.020.024.000	-	9.020.024.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối năm nay	571.679.930.000	464.878.130	93.116.915.050	10.525.307.541	272.516.558.307	236.042.716.499	1.184.346.305.527

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

